

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 97/2019/HSST

Ngày: 26/3/2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Thẩm phán: Ông Phạm Việt Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1.1 Ông Nguyễn Thành Châu

1.2 Ông Võ Quang Cảnh

1.3 Ông Trần Văn Đông.

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Hưng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 03/2019/HSST, ngày 02/01/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 791/2019/QĐST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/Nguyễn Triệu H; giới tính: Nam; Sinh ngày 19/10/1966; tại: tỉnh LA; Nơi ĐKTT và chỗ ở: Ấp TĐ, xã LT, huyện BC, tỉnh TN; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: buôn bán; con ông Nguyễn Tuyết S (chết) và bà Nguyễn Thị Đ (chết); chung sống như vợ chồng với Trần Thị Bích U, sinh năm 1973;

-Tiền án: Ngày 15/4/1995, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử phạt 13 năm tù về tội “Trộm cắp TSCCD” tại bản án số 39/HSST; do Nguyễn Triệu H kháng cáo nên ngày 21/8/1995, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm tuyên phạt 13 năm tù về tội “Trộm cắp TSCCD” tại bản án số 1113/HSPT. Chấp hành án xong hình phạt tù ngày 30/4/2001 tại Trại giam Thủ Đức (xác minh tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp chưa thụ lý bản án nêu trên). Ngày 11/10/2004, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” tại bản án số 1854/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/4/2007. (Xác minh tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ chí Minh,

Nguyễn Triệu H chưa thi hành khoản tiền 25.099.936 đồng bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà Ngô Thị N – Hiện người bị hại chưa có đơn yêu cầu Thi hành án).

+Ngày 25/10/2010, bị Công an tỉnh Tây Ninh ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra Lệnh truy nã về tội “Vận chuyển hàng hóa trái phép qua biên giới”. Ngày 24/7/2018 Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử mức hình phạt 03 năm tù (Bản án số 36/ /2018/ HSST)

- Bị bắt, tạm giam từ ngày 02/5/2017 (có mặt).

2/Lê Văn M; giới tính: Nam; sinh năm 1959; tại: tỉnh TG; Nơi ĐKKHKT: A17/2, ấp 1, xã BC, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: không có nơi ở nhất định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: không; con ông Nguyễn Công a (chết) và bà Lê Thị b (chết); vợ: Văn Thị c, sinh năm 1953 (đã ly hôn); con có 02 con (lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1989); tiền án, tiền sự: không.

- Bị bắt, tạm giam từ ngày 30/4/2017 (có mặt).

3/Nguyễn Anh T; giới tính: Nam; Sinh ngày 12/01/1970; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: 218 Bùi Hữu Nghĩa, phường 2, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: chạy xe ôm; con ông Nguyễn Văn d (chết) và bà Nguyễn Thị e (chết); vợ: Lê Thị Thu f, sinh năm 1970; con: có 01 con sinh năm 2003; tiền sự: không;

- Tiền án: Ngày 05/6/1997, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 24 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tại bản án số 187/HSST; ngày 05/8/1997, bị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tổng hợp hình phạt của hai bản án buộc chấp hành hình phạt chung là 36 tháng tù tại bản án số 131/HSST. Chấp hành án tại Nhà tạm giữ Công an quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 1999 được tha về (chưa thi hành khoản tiền 2.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước). Ngày 30/3/2006, bị Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 27/2006/HSST. Ngày 12/6/2007, bị Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt của 2 bản án buộc chấp hành hình phạt chung là 04 năm 06 tháng tù tại bản án số 69/2007/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/11/2009 án tại Trại giam Phước Hòa (chưa thi hành các khoản tiền án phí dân sự sơ thẩm 1.200.000 đồng, nộp phạt 10.000.000 đồng, bồi thường cho ông BQV 55.000.000 đồng và lãi suất do chậm thi hành án chưa thi hành).

- Nhân thân: Ngày 21/9/2011, bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số

171/2011/HSST. Chấp hành án xong hình phạt tù ngày 23/8/2014 tại Trại giam Xuân Lộc (đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm tháng 11/2011).

- Bị bắt tạm giam từ ngày 30/4/2017.

Những người tham gia tố tụng

+Bị hại:

1. Ông NTT, sinh năm 1952; địa chỉ: Số 1 Đường 38, phường TT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền: Ông NVĐ, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp TĐV, xã TT, huyện CT, tỉnh BT (có mặt).

2. Ông NVH, sinh năm 1959; địa chỉ: 780 HP, Phường 10, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. LHT, sinh năm 1979; HKTT: 1027/15, HTP, phường PT, Quận O (vắng mặt).

4. Ông NVB, sinh năm 1986; thường tại: 497/59/16 PVT, Phường 5, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

+Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông NVĐ, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp TĐV, xã TT, huyện CT, tỉnh BT (có mặt).

2. Ông NTA, sinh năm 1989; tạm trú: 20/22 Đường 160, phường TNP, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. Ông NVĐ, sinh năm 1955; địa chỉ: 298 PVT, Phường 11, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

4. Ông NDQ, sinh năm 1987; thường trú: 145 NĐC, Phường 11, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh; trú tại: Ấp Chánh, xã ĐLT, huyện ĐH, tỉnh LA (có mặt).

+Người làm chứng:

1. Ông NVC, sinh năm 1968; Địa chỉ: 280/29 BHN, Phường 2, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

2. Ông TVM, sinh năm 1974; địa chỉ: 92 LL, phường 4, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 01/2015, ông NTT giao cho cháu là anh NVĐ sử dụng 01 xe ô tô hiệu JEEP-Wrangler, biển số 51A - 026.63 được Phòng Cảnh sát Giao thông đường bộ Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy đăng ký xe cho ông

NTT. Trong quá trình sử dụng chiếc xe thì anh NVĐ làm mất giấy đăng ký xe nên khoảng tháng 10/2016, anh NVĐ có nhu cầu xin cấp lại giấy đăng ký và đăng kiểm xe ô tô biển số 51A-026.xx nên có nhờ ông NVH (sinh năm 1959; ngụ: 780 HP, Phường 10, Quận P) là người quen của anh NVĐ làm các thủ tục xin cấp lại giấy đăng ký xe. Thông qua người quen giới thiệu, ông NVH gặp Lê Văn M và Nguyễn Triệu H nhờ lo giúp các giấy tờ xe ô tô nêu trên với mức chi phí là 15 triệu đồng. Lần đầu, H đi đến gặp ông NVH tại gần sân bay Tân Sơn Nhất, quận Tân Bình để nhận 8.000.000 đồng và bản cà sổ khung, sổ máy của xe Jeep (không làm biên nhận). Tiếp đó, M gặp ông NVH nhận 7.000.000 đồng còn lại tại quán cà phê “Cỏ Đá” trên đường NB, Quận Y (không làm biên nhận). Tuy nhiên, sau khi nhận tiền H và M không làm thủ tục xin cấp giấy tờ xe như thỏa thuận mà chia đôi số tiền nhận từ ông NVH tiêu xài hết, đồng thời bàn bạc tìm cách lừa ông NVH chiếm đoạt chiếc xe Jeep biển số 51A-026.xx. Sau đó, H điện thoại cho Nguyễn Anh T báo có 01 xe Jeep đời 2009 không giấy tờ hỏi T có mua không thì T đồng ý mua. Sau đó, H bàn bạc với M là hẹn ông NVH mang xe Jeep đến Đội đăng ký và quản lý xe thuộc Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ Công an Thành phố Hồ Chí Minh - số 282 Nơ Trang Long, Phường 12, quận Bình Thạnh; còn H sẽ tìm cách đánh lạc hướng NVH để M chiếm đoạt xe.

Khoảng 13h30’ ngày 07/11/2016, sau khi hẹn ông NVH mang xe đến số 282 Nơ Trang Long, quận Bình Thạnh để xét xe, H đi cùng VMV (tự Dương) đến điểm hẹn, còn M đứng gần đó đợi khi nào VMV lấy xe thì dẫn VMV đến bãi xe của T. Khi đến nơi, H không gặp ông NVH mà gặp anh NVĐ là người lái xe Jeep đến, H đề nghị anh NVĐ giao xe cho VMV để đưa vào 282 Nơ Trang Long làm thủ tục xin cấp giấy đăng ký xe, còn H sẽ chở anh NVĐ đến Quận R để làm thủ tục xin cấp lại giấy đăng kiểm, nhưng thực chất để VMV lái xe đi giao cho T. Khi H vừa chở anh NVĐ đi thì VMV điều khiển xe Jeep, M chạy xe gắn máy dẫn đường đến bãi xe của T. H chở anh NVĐ đến ngã 3 TQC - NTL thì anh NVĐ nói có việc nên yêu cầu H chở về lại trước cổng 282 Nơ Trang Long, quận Bình Thạnh. Anh NVĐ điện thoại nhờ tài xế riêng là NTK đến đợi H làm thủ tục xong thì lấy xe Jeep về. Khi anh NVĐ vừa đi thì H cũng bỏ trốn. Anh NTK đến đứng đợi ở 282 Nơ Trang Long, quận Bình Thạnh chờ đến chiều vẫn không thấy xe Jeep nên điện thoại báo cho anh NVĐ biết. Lúc này, biết đã bị lừa nên ông NVH và anh NVĐ đã đến Công an quận Bình Thạnh trình báo sự việc bị M và H lừa đảo chiếm đoạt xe như nêu trên.

Sau khi chiếm đoạt được xe thì H về gặp T và chào bán xe Jeep mới chiếm đoạt được với giá 195.000.000 đồng, T đồng ý và hẹn vài ngày nữa sẽ đưa tiền, đồng thời mang xe về chung cư MP, phường 2, quận BT cất giấu rồi sau đó chào bán cho TTT (tự Tiến Bake) với giá 10.000 Đô la Mỹ (USD) tương đương 210.000.000 đồng. Qua ngày hôm sau, T điện thoại cho H cùng đi đến ngã 3 Đường số 19 – đường PVD, phường HBC, quận TĐ gặp TTT. Tại đây, TTT giao cho T 50.000.000 đồng và T giao hết cho H (không làm biên nhận).

Ngày hôm sau, TTT hện T tại ngã tư khu Công nghiệp ST, thị xã DA, tỉnh BD giao cho T 160.000.000 đồng còn lại (không làm biên nhận). Tiếp đó, T hện H đến đường PVD (cách nơi nhận 50.000.000 đồng lần trước khoảng 200 mét về hướng quận TĐ) trả cho H 115.000.000 đồng (không làm biên nhận), số tiền 30.000.000 đồng còn lại thì T cân trừ tiền mà H còn nợ T.

Tiền bán xe, H khai chia cho M 70.000.000 đồng, chia cho VMV khoảng 22.000.000 đồng, còn lại 73.000.000 đồng H tiêu xài hết. M khai H chỉ chia cho M 1.200 USD chứ không phải 70.000.000 đồng như H khai. T thừa nhận biết rõ chiếc xe Jeep trên do H và M chiếm đoạt của người khác nhưng vẫn đồng ý tiêu thụ.

Sau khi mua chiếc xe Jeep trên của T thì TTT giao cho đối tượng Quân (chưa rõ lai lịch) gửi tại bãi xe của siêu thị Big C tại phường ĐH, thị xã DA, tỉnh BD. Sau khi biết xe là của ông NTT thì Tiến điện thoại báo cho Công an quận Bình Thạnh biết nơi cất giấu xe Jeep tại bãi xe của siêu thị Big C nhưng Tiến không ra trình diện. Ngày 05/5/2017, Cơ quan Công an quận Bình Thạnh đã kết hợp Công an phường ĐH thu hồi tạm giữ xe ô tô trên.

Ngày 28/11/2016, Phòng Tài chính quận Bình Thạnh kết luận xe ô tô hiệu JEEP-Wrangler, biển số 51A - 026.xx trị giá 1,4 tỷ đồng.

Đối với Nguyễn Anh T, ngoài hành vi tiêu thụ chiếc xe Jeep trên thì T còn tiêu thụ 02 xe gắn máy do người khác phạm tội mà có, có nguồn gốc và xác định được người bị hại: xe Honda Wave biển số 59V1-079xx và xe Vespa biển số 59C2-536xx; cụ thể như sau:

1/01 xe Honda Wave (BS 51Y4 - 0879 là biển số giả) có biển số thật là 59V1 - 079.xx (xe có số khung: RLHJC4302BY009012; số máy: 0879894-JC43E), chủ xe tên NTA (sinh năm 1989; trú tại: 497/59/16 PVT, phường 5, quận GV). Anh TA cho biết đứng tên xe dùm chủ của mình tên NVB (sinh năm 1986; HKTT: KT, KA, HT; tạm trú: 20/22 đường 160, phường TNP, Quận I). Ông NVB cho biết bị mất xe này vào ngày 21/3/2017 tại 462 PVD, phường HBC, quận TĐ. Xác minh tại Công an phường HBC, quận TĐ, ông NVB có trình báo mất xe tại Công an phường vào ngày 31/8/2017.

Nguyễn Anh T khai nhận mua xe này của NTT (sinh năm 1982; HKTT: 79/51 BBTT, phường SK, quận TP) với giá 3.800.000 đồng vào khoảng tháng 4/2017, khi mua biết rõ là xe trộm cắp.

Tại bản kết luận giám định ngày 23/8/2017 của Phòng PC54 Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: “số khung, số máy: Nguyên thủy, không thay đổi”. Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 18/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: xe gắn máy kiểu dáng Wave, biển số 59V1 - 079.xx trị giá 12.381.667 đồng.

2/ 01 xe Vespa (biển số giả 59S1-917.xx) có biển số thật là 59C2-536.xx (có số khung: RP8M82100FV034578, số máy: M821M5034857) do LHT (sinh

năm 1979; HKTT: 1027/15, HTP, phường PN, Quận O) đứng tên sở hữu. Bà LHT cho biết ngày 01/4/2017, bị mất xe tại số 11/12 NTS, Phường 3, quận GV. Xác minh tại Công an, bà LHT có đến Công an Phường 3, quận GV trình báo bị mất xe Vespa biển số 59C2 - 536.xx vào ngày 01/4/2017.

Nguyễn Anh T khai nhận cũng mua xe này của NT với giá 21.000.000 đồng vào khoảng tháng 4/2017. Khi mua T biết rõ là xe trộm cắp. Sau đó, T giao xe này cho NVD giữ làm tin vì thiếu nợ NVD.

Tại bản kết luận giám định ngày 23/8/2017 của Phòng PC54 Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: “số khung, số máy: Nguyên thủy, không thay đổi”. Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 18/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: xe gắn máy kiểu dáng Vespa Sprint biển số: 59C2-536.xx trị giá 50.825.000 đồng.

Ngoài ra, quá trình bắt giữ Nguyễn Anh T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh thu giữ trong người của T 01 gói nylon chứa chất bột màu xám, 01 gói nylon chứa tinh thể rắn không màu và 01 gói nylon chứa chất dẻo màu đen. Cơ quan CSĐT Công an quận Bình Thạnh đã niêm phong tất cả 03 gói này trong 01 bao thư có chữ ký và chữ viết tên của Nguyễn Anh T và hình dấu của Cơ quan CSĐT Công an quận Bình Thạnh. Nguyễn Anh T khai nhận 03 gói bị thu giữ này đều là ma túy do đối tượng tên Danh (không rõ lai lịch) đưa cho T chơi thử, nếu hàng ngon thì mua nhưng T chưa kịp sử dụng thì bị bắt.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Triệu H và Lê Văn M đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản kết luận giám định số 1606 ngày 13/10/2017 của phòng PC54 Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

1/Bột màu xám là ma túy ở thể rắn, loại Heroine, có khối lượng 0,3097g.

2/Chất dẻo màu đen là ma túy ở thể rắn, loại Morphine, có khối lượng 0,1863g.

3/Tinh thể không màu là ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,1106g.

- (1/+2/+3/ tương đương 1,226 gam ma túy tổng hợp).

Như vậy, Nguyễn Anh T còn có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy với số lượng giám định tương đương 1,226 gam ma túy tổng hợp.

Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định một số nội dung vụ việc sau:

- Nguyễn Triệu H và Lê Văn M thừa nhận cùng nhau lừa đảo chiếm đoạt 01 xe ô tô Lexus của anh Linh như sau: Khoảng đầu năm 2016, với thủ đoạn như trên H cùng M lừa đảo chiếm đoạt 01 chiếc xe ô tô Lexus 460XL (biển số của Lào) gần địa điểm CSHC, quận TĐ, bị hại tên Linh (chưa xác định được lai

lich). H và M mang xe trên bán cho Nguyễn Anh T được 180 triệu đồng, H chia cho M 90 triệu đồng.

- Xác minh đơn của ông NHN tố cáo Nguyễn Triệu H có hành vi chiếm đoạt 150 triệu đồng và 2000 USD thông qua thủ đoạn hứa giúp mua xe ô tô giá rẻ. Qua điều tra xác định việc 02 bên thỏa thuận hứa mua bán xe với nhau là tự nguyện và không có tài liệu chứng minh H có nhận 150 triệu đồng và 2.000 USD của anh NHN.

- Đối với các xe ô tô do Nguyễn Anh T gửi tại các bãi giữ xe, gồm các xe có biển số 52T - 8390, 52M - 7939, 43K - 9158, 53M - 2177, Suzuki Maruti không biển số và các xe mô tô biển số: 54P9 - 5703, 59K1 - 33676. Do hiện không xác định được chủ sở hữu nên Cơ quan CSĐT Công an Thành Hồ Chí Minh chưa xác định được các chiếc xe này có bị chiếm đoạt do hành vi phạm tội hay không.

Tại bản cáo trạng số 187/CT-VKS-P2 ngày 10/5/2018 Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo:

- Nguyễn Triệu H và Lê Văn M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a Khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

- Nguyễn Anh T về các tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm a Khoản 4 Điều 250 và điểm p Khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố, trình bày lời luận tội, đánh giá tính chất, mức độ và hậu quả nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a Khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Nguyễn Triệu H mức án từ 12 đến 14 năm tù.

- Áp dụng điểm a Khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Lê Văn M mức án từ 07 đến 08 năm tù.

- Áp dụng điểm a Khoản 4 Điều 250 và điểm p Khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T mức án từ 07 đến 08 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác mà có” và từ 07 đến 08 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Các bị cáo Nguyễn Triệu H, Lê Văn M và Nguyễn Anh T không tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho được hưởng mức án khoan H vì đã nhận thức được hành vi sai phạm của mình, tạo cơ hội cho các bị cáo sớm chấp hành xong bản án làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Triệu H, Lê Văn M và Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình cũng như đồng phạm, nội dung phù hợp với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố.

Đối chiếu lời khai nhận của các bị cáo Nguyễn Triệu H, Lê Văn M và Nguyễn Văn T tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa về cơ bản phù hợp với nhau; phù hợp với: biên bản vụ việc, biên bản tạm giữ đồ vật – tài liệu, lời khai của (bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan), biên bản nhận dạng, kết luận giám định, kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu, biên bản về hoạt động tố tụng khác của Cơ quan điều tra đã thu thập có tại hồ sơ vụ án.

Đã có đủ cơ sở để kết luận: Muốn kiếm tiền tiêu xài nên các bị cáo Nguyễn Triệu H và Lê Văn M thông qua người quen giới thiệu đã nói dối làm ông NVH (là người được anh NVĐ nhờ làm lại giấy tờ ô tô bị mất) tin tưởng các bị cáo có khả năng giúp đỡ làm lại giấy đăng ký và đăng kiểm xe ô tô đã bị mất, ông NVH đã 02 lần tiền cho các bị tổng cộng 15.000.000 đồng (H nhận 8.000.000 đồng và M nhận 7.000.000 đồng) và chia đôi số tiền nhận từ ông NVH tiêu xài hết. Sau đó, các bị cáo đã bàn bạc để thống nhất về cách thức, hẹn địa điểm và dùng thủ đoạn gian dối hèn ông NVH mang xe đến Đội đăng ký và quản lý xe thuộc Phòng CSGT đường bộ - Công an Thành phố Hồ Chí Minh làm thủ tục cấp lại giấy tờ để người khác tin tưởng giao tài sản. Vào khoảng 13h30' ngày 07/11/2016, H đi cùng VMV (Dương) đến nơi hẹn, còn M đứng gần đó đợi khi nào VMV lấy được xe lái đi thì M chạy xe gắn máy dẫn VMV đến bãi xe của T. Khi anh NVĐ lái xe ô tô Jeep biển số 51A-026.63 đến địa chỉ 282 Nơ Trang Long, quận Bình Thạnh thì H đã nói dối để anh NVĐ giao xe cho VMV điều khiển lái xe đi cất giấu.

Sau khi chiếm đoạt được xe ô tô nêu trên thì H về gặp Nguyễn Anh T và chào bán xe Jeep mới chiếm đoạt được với giá 195.000.000 đồng, T đồng ý mua hẹn vài ngày nữa sẽ trả tiền, và mang xe về chung cư MP, Phường 2, quận BT cất giấu. Sau đó, T chào bán xe cho TTT (tự Tiến Bake) để tiêu thụ với giá 10.000 USD tương đương 210.000.000 đồng, hưởng lợi 15.000.000 đồng

Ngoài ra, Nguyễn Anh T còn 02 lần mua xe của NT do phạm tội mà có để tiêu thụ kiếm lời, gồm: 01 xe Vespa (biển số giả 59S1-917.35) và 01 xe gắn máy Wave biển số 59V1-07905 và cất giữ 03 gói ma túy với mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị Công an thu giữ cùng vật chứng.

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

+Theo bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: 01 xe ô tô hiệu JEEP-Wrangler, biển số 51A - 026.xx trị giá 1.400.000.000 đồng;

+Tại bản kết luận giám định ngày 23/8/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự (PC54) Công an Thành phố Hồ Chí Minh đối với: 01 xe Honda Wave (biển số giả 51Y4 - 0879), xe có biển số thật 59V1 - 079.05 (xe có số khung: RLHJC4302BY009012; số máy: 0879894-JC43E) và 01 xe Vespa (biển số giả 59S1-917.35), biển số thật 59C2-536.93 (có số khung: RP8M82100FV034578, số máy: M821M5034857): “số khung, số máy: Nguyên thủy, không thay đổi”.

+Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 18/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự cấp Thành phố, kết luận: 01 xe gắn máy kiểu dáng Wave, biển số 59V1-07905 trị giá 12.381.667 đồng; 01 xe gắn máy kiểu dáng Vespa Sprint, biển số: 59C2-536xx trị giá 50.825.000 đồng.

+Theo bản kết luận giám định số 1606/ ngày 13/10/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự (PC54) Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

1/ Bột màu xám là ma túy ở thể rắn, loại Heroine, có khối lượng 0,3097g.

2/ Chất dẻo màu đen là ma túy ở thể rắn, loại Morphine, có khối lượng 0,1863g.

3/ Tinh thể không màu là ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,1106g.

(1/+2/+3/ tương đương 1,226 gam ma túy tổng hợp).

Như vậy, với đoạn gian dối làm người khác tin tưởng giao tài sản để thực hiện hành vi chiếm đoạt với tổng trị giá tài sản là 1.415.000.000 đồng và hành vi của các bị cáo Nguyễn Triệu H và Lê Văn M đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Đối với bị cáo Nguyễn Anh T đã có hành vi biết rõ xe ô tô Jeep biển số 51A - 026.xx (trị giá 1.400.000 đồng, 01 xe gắn máy Wave biển số 59V1-079xx (trị giá 12.381.667 đồng) và 01 xe gắn máy Vespa Sprint biển số 59C2-536xx (trị giá 50.825.000 đồng) do người khác phạm tội mà có nhưng vẫn mua mang đi tiêu thụ để hưởng lợi; và cất giữ trái phép các chất ma túy ở thể rắn bao gồm: Heroine, Morphine và Methamphetamine - tương đương 1,226 gam ma túy tổng hợp để sử dụng cho bản thân. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm vào các tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Điều 250 và Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Triệu H và Lê Văn M là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, của bị cáo T là rất nguy hiểm cho xã hội; không những

xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự trị an xã hội. Hành vi phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” của bị cáo T còn xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, là nguyên nhân làm gia tăng các loại tội phạm về ma túy và tệ nạn xã hội khác. Các bị cáo Nguyễn Triệu H, Lê Văn M và Nguyễn Anh T là người có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng với động cơ vụ lợi bất chính vẫn bất chấp sự nghiêm cấm của Nhà nước để cố ý phạm tội.

Xét, các bị cáo Nguyễn Triệu H và Lê Văn M đã phạm tội, thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản có tổng giá trị 1.415.000.000 đồng nên thuộc trường hợp “Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên”, là tình tiết định khung tăng nặng hình phạt của các bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Anh T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”: Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và Khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là tội nhẹ hơn so với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Nên theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, cần xét xử đối với bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 249 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xét về nhân thân: bị cáo Nguyễn Anh T đã có 04 tiền án về các tội do cố ý chưa được xóa án tích, nay lại phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” và nhiều lần thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có với tổng giá trị 1.463206.667 đồng (1.400.000.000 đồng + 12.381.667 đồng + 50.825.000 đồng); đây là những tình tiết định khung tăng nặng hình phạt của bị cáo. Đối với bị cáo H đã có 02 tiền án về các tội do cố ý chưa được xóa án tích, nay lại phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm”, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Do đó về hình phạt, cần xét xử nghiêm đối với:

- Các bị cáo Nguyễn Triệu H và Lê Văn M theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);

- Bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm o Khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Trong vụ án, các bị cáo Nguyễn Triệu H và Lê Văn M phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm, có sự phân công nhưng mang tính giản đơn không có tổ

chức. Trong đó, bị cáo H giữ vai trò chính, là người trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, liên hệ tiêu thụ, giữ tiền để phân chia và hưởng lợi nhiều hơn; còn bị cáo M phạm tội với vai trò là người giúp sức để cùng hưởng lợi. Nên về hình phạt đối với bị cáo H phải nghiêm khắc hơn so với bị cáo M.

Để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, về hình phạt đặt ra phải nghiêm, cần phải có thời gian đủ dài cách ly xã hội đối với các bị cáo mới có tác dụng đề răn đe giáo dục các bị cáo nói riêng và công tác đấu tranh và phòng chống tội phạm. Khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét: Tính chất, mức độ tham gia phạm tội của bị cáo đồng phạm theo quy định tại Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); trong giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo khai báo thành khẩn, thể hiện sự ăn năn hối cải; tài sản các bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi để trả cho người bị hại; các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế; riêng bị cáo M phạm tội lần đầu, về nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; để giảm nhẹ cho từng bị cáo một phần hình phạt đáng ra bị cáo phải chịu theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Anh T bị xét xử nhiều tội xử phạt tù và bị cáo H đang phải chấp hành hình phạt tù tại bản án có hiệu lực pháp luật, nên cần tổng hợp hình phạt chung theo quy định tại Điều 55, Điều 56 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo: Đối với bị cáo M phạm tội lần đầu với vai trò giúp sức, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng Khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị áp dụng đã đủ tác dụng của hình phạt đối với bị cáo.

Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố để xét xử với các bị cáo Nguyễn Triệu H, Lê Văn M và Nguyễn Văn T là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai. Mức hình phạt đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp nên được chấp nhận. Riêng đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” về hình phạt sẽ cân nhắc xem xét theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo như nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử.

+Về thủ tục tố tụng: trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện các hành vi tố tụng, các quyết định tố tụng đúng quy định về trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và các bị cáo không có khiếu nại trong các giai đoạn tiến hành tố tụng; nên đều hợp pháp.

+Đối với số tiền các bị cáo đã thu lợi do bán và tiêu thụ xe ô tô Jeep biển số 51A-026.63 chia nhau hưởng lợi, là tiền do phạm tội mà có nên cần áp dụng Khoản 1 Điều Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009), để buộc các bị cáo truy nộp lại khoản tiền này tịch thu sung quỹ Nhà nước, cụ thể theo mức:

- Bị cáo Nguyễn Anh T nộp 45.000.000 đồng.
- Bị cáo Lê Văn M 25.200.000 đồng (tương đương 1200USD)
- Bị cáo Nguyễn Triệu H nộp 169.800.000 đồng (195.000.000 đồng – 25.200.000 đồng).

+Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009); buộc bị cáo Nguyễn Triệu H và bị cáo Lê Văn M liên đới bồi thường số tiền 15.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn NVH, mỗi bị cáo bồi thường 7.500.000 đồng.

Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

+Về xử lý vật chứng: Áp dụng Khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, xét:

- Đối với xe Jeep biển số: 51A-026xx: Cơ quan CSĐT đã xác minh tại phòng CSGT đường bộ Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết quả: Xe Jeep đứng tên NTT và giám định tại Phòng PC54 Công an TP.Hồ Chí Minh được kết quả: xe JEEP-Wrangler, biển số 29A-639.xx. Số khung: bị mài mòn. Số máy: AL144774: nguyên thủy, là xe của ông NTT mua bán hợp pháp nên cần trả lại cho chủ sở hữu;

- Đối với tài sản của các bị cáo thu giữ trong vụ án, qua điều tra là tài sản cá nhân không liên quan tội phạm nhưng cần tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án về phần dân sự: 01 (một) điện thoại di động Nokia C1, Imei: 8519771/0528830/8; số tiền 14.700.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động Philips màu đen: Imei: 861277030853081; 01 (một) điện thoại di động Nokia 1280, Imei: 351876/02/826537/8.

Đối với các vật chứng, qua điều tra là tài sản hợp pháp của bị hại bị chiếm đoạt trái phép và tài sản không chứng minh liên quan tội phạm nên trả lại cho chủ sở hữu, bao gồm những tài sản sau:

- Trả lại cho anh NVB Xe Wave BS 51Y4-08xx là BS giả, xe có số khung: RLHJC4302BY009012; số máy: JC43E - 0879894 có biển số thật là 59V1-079xx.

- Trả lại cho ông NVD 01 (một) xe Toyota Hiace màu xanh, biển số 53M-2177 có SK: RLH1145000051; SM: 1RZ2511597. Ông NVD khai do T nợ ông NVD 110.000.000 đồng nên gán nợ xe này cho ông NVD.

Đối với các xe ô tô và xe gắn máy, qua điều tra chưa xác định được chủ sở hữu nên cần tiếp tục tạm giữ để thông báo tìm kiếm theo quy định pháp luật dân sự để trao trả tài sản cho chủ sở hữu. Hết thời hạn, nếu không có người thừa nhận hợp pháp thì sung quỹ Nhà nước, bao gồm:

- 01 (một) xe ô tô hiệu SangYong Musso E23 màu trắng, BS: 52T-83xx; SK: MC0220 (bị đục số); SM: 16197000003001;

- 01 (một) xe ô tô hiệu Mercedes Benz màu xám, BS: 52M-79xx; SK: WDB1240261A151517; SM: 10394010001860;

- 01 (một) xe ô tô hiệu Mitsubishi Jolie màu xanh, BS: 43K-91xx; SK: RLA00VB2W11000216 (bị đục số); SM: 4G63VZ00636 ;

- 01 (một) xe Nouvo biển số 59K1-336.xx; SK: RLCN5P110AY221204; SM: 5P11-221205.

- 01 (một) xe Dream biển số 53R2-58xx, SK: NJ10020003834 (sét mờ, không đọc được), SM: LC152FMG1A00604934.

Đối với vật chứng là xe có số khung, số máy bị mài, đục không xác định được nguồn gốc thu giữ trong vụ án là loại cấm lưu hành nên tịch thu sung quỹ Nhà nước, bao gồm:

- 01 xe gắn máy Vespa BS 54P9-57xx; SK: YAPM6810000013056; SM: M681M505001;

- 01 xe hiệu Suzuki Maruti màu xám, không biển số. SM: không có. SK: VSE0SKJ2A00084242;

Đối với các gói niêm phong đựng chất ma túy còn lại sau giám định; biển số xe giả, dụng cụ sử dụng ma túy và đồ vật để cất giữ, toàn bộ là chất ma túy độc hại cấm tuyệt đối sử dụng, vật cấm lưu hành và đồ vật không có giá trị sử dụng; nên tịch thu tiêu hủy toàn bộ, gồm:

- 01 (một) BS 59S1-91735; 01 (một) giả 51Y4-0879;

- 01 (một) túi xách màu nâu, 01 hộp đựng kính màu đen bên trong có chứa 01 bộ dụng cụ dùng chơi ma túy đá.

- 01 (một) gói nylon chứa chất bột màu xám, 01 gói nylon chứa tinh thể rắn không màu, 01 gói nylon chứa chất dẻo màu đen (tất cả đã được niêm phong trong 01 bao thư có chữ ký và chữ viết tên của Nguyễn Anh T và hình dấu của Cơ quan CSĐT công an quận Bình Thạnh).

+Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo mức có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán theo quy định tại và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đối với VMV có hành vi giúp sức cho H và M chiếm đoạt xe Jeep của anh NVĐ nhưng Hiện nay VMV không có mặt tại địa phương và H cũng khai chỉ nhờ VMV lái xe Jeep về bãi của T, VMV không biết H và M lừa đảo chiếm đoạt xe Jeep. Cơ quan CSĐT sẽ tiếp tục truy tìm, khi nào làm việc được với VMV sẽ làm rõ và đề nghị xử lý sau.

Đối với TTT có hành vi tiêu thụ chiếc xe Jeep, sau khi thu hồi xe chưa xác định ai là người cào sổ khung, thay biển số giả của xe Jeep và hiện TTT cũng không có mặt tại địa phương nên chưa ghi được lời khai. Chỉ có duy nhất lời khai của Nguyễn Anh T bán xe này cho TTT. Cơ quan điều tra tiếp tục truy tìm, khi nào làm việc được với TTT đủ cơ sở xử lý sau.

Đối với NT có hành vi bán các xe máy có nguồn gốc do phạm tội mà có cho Nguyễn Anh T, nhưng hiện nay NT không có mặt tại địa phương. Cơ quan điều tra tiếp tục truy tìm, khi nào làm việc đủ cơ sở xử lý sau.

Đối với việc chiếm đoạt và tiêu thụ xe Lexus của bị hại tên Linh: Do hiện không xác định được bị hại và không thu giữ được xe Lexus nên không có cơ sở xử lý hình sự đối với H, M và T. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục truy tìm bị hại và xe Lexus để điều tra làm rõ, nếu đủ cơ sở xử lý sau.

Đối với đơn của anh NHN tố cáo H, qua điều tra nhận thấy: Việc 02 bên thỏa thuận hứa mua bán xe với nhau là tự nguyện và không có tài liệu chứng minh H có nhận 150 triệu đồng và 2.000 USD của anh NHN. Do đây chỉ là quan hệ dân sự, không thuộc phạm vi xem xét của vụ án này; nên ông NHN có quyền khởi kiện Nguyễn Triệu H bằng một vụ kiện khác để giải quyết.

Đối với các xe ô tô biển số: 52T-83xx, 52M-79xx, 43K-91xx, 53M-21xx, Suzuki Maruti không biển số và các xe mô tô biển số: 54P9-57xx, 59K1-336xx, do hiện không xác định được chủ sở hữu nên Cơ quan CSĐT – Công an TP.Hồ Chí Minh chưa xác định được các chiếc xe này có bị chiếm đoạt do hành vi phạm tội hay không nên chưa đủ cơ sở xử lý đối với Nguyễn Anh T về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có đối với các chiếc xe này.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Triệu H và Lê Văn M phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

+ Căn cứ vào điểm a Khoản 4 Điều 139; điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm s, h Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Triệu H 13 (mười ba) năm tù.

Tổng hợp với hình phạt 03 (ba) năm tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 36/2018/HSST ngày 24/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh buộc bị cáo Nguyễn Triệu H chấp hành hình phạt chung là 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 02/5/2017.

+ Căn cứ vào điểm a Khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); các điểm s, h Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 và Khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt: Bị cáo Lê Văn M 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 30/4/2017.

+ Áp dụng điểm a Khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm o Khoản 2 Điều 249 ; các điểm s, h Khoản 1 Điều 51; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 08 (tám) năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, và 05 (năm) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Văn T chấp hành hình phạt chung là 13 (mười ba) năm tù.

Thời hạn tù tính kể từ ngày 30/4/2017.

+ Căn cứ vào Khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009): Buộc các bị cáo truy nộp lại khoản tiền thu lợi do phạm tội mà có để tịch thu sung quỹ Nhà nước, cụ thể theo mức:

- Bị cáo Nguyễn Triệu H nộp 169.800.000 đồng.

- Bị cáo Lê Văn M 25.200.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Anh T nộp 45.000.000 đồng.

+Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào khoản 2 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc các bị cáo Nguyễn Triệu H và Lê Văn M có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền 15.000.000 đồng cho ông NVH, mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường 7.500.000 đồng.

Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo H và M chưa thi hành đầy đủ khoản tiền bồi thường thiệt hại về tài sản theo mức nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi bằng 50% mức lãi suất giới hạn theo quy định tại thời điểm thanh toán, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

+Về xử lý vật chứng: Áp dụng Khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

+ Trả lại cho:

- Ông NTT 01 (một) xe Jeep, biển số 29A-639.xx. Số khung: bị mài mòn. Số máy: AL144774: nguyên thủy;

- Ông NVD 01 (một) xe Toyota Hiace màu xanh, BS: 53M-2177, SK: RLH1145000051; SM: 2511597. Ông NVD khai do Nguyễn Anh T nợ ông

NVD 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng) nên gán nợ xe này cho ông NVD.

- Ông NVB 01 xe Wave biển số 51Y4-0879 (là biển số giả), xe có số khung: RLHJC4302BY009012; số máy: JC43E- 0879894 có biển số thật là 59V1 - 079.05.

- Bị cáo Lê Văn M thẻ ATM Sacombank số 4221510009599294 tên Lê Văn M.

- + Tiếp tục tạm giữ để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án về tài sản:

- 01 (một) điện thoại di động Nokia C1, Imei: 851971/05/288330/0 (số Imei đầu và 01 số cuối bị mờ không xác định được, pin bị bong tróc) Thu giữ của bị cáo Lê Văn M.

- Số tiền 14.700.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Triệu H.

- 01 (một) điện thoại di động Philips màu đen: Imei: 861277030853081, thu giữ của bị cáo Nguyễn Triệu H.

- 01 (một) điện thoại di động Nokia 1280, Imei: 351876/02/826537/8, thu giữ của bị cáo Nguyễn Triệu H.

- 01 (một) điện thoại Nokia C1 màu đen, Imei 354334/04/147705/5, thu giữ của bị cáo Nguyễn Anh T.

- 01 (một) Iphone 4 màu trắng Imei: 013044006294089. ID: BCG-E2380A (thực nhận 01 điện thoại iphone màu trắng ID: BCG-E2380A; pin phồng, không kiểm tra được imei do không có nguồn điện), thu giữ của bị cáo Nguyễn Anh T.

- 01 (một) điện thoại di động HTC màu đen, Imei: 353492075442732, Model: 2PQ8110D728X (không kiểm tra được imei do không có nguồn điện) thu giữ của bị cáo Nguyễn Anh T.

*Tiếp tục tạm giữ để thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 01 năm để truy tìm và trả cho chủ sở hữu, hết thời hạn không có người thừa nhận thì sung quỹ Nhà nước những tài sản như sau:

- 01 (một) xe ô tô hiệu SangYong Musso E23 màu trắng, BS: 52T-8390; SK: MC0220 (bị đục số); SM: 16197000003001;

- 01 (một) xe ô tô hiệu Mercedes Benz màu xám, BS: 52M-7939; SK: WDB1240261A151517; SM: 10394010001860;

- 01 (một) xe ô tô hiệu Mitsubishi Jolie màu xanh, BS: 43K-9158; SK: RLA00VB2W11000216 (bị đục số); SM: 4G63VZ00636 ;

- 01 (một) xe Nouvo BS 59K1-336.76; SK: RLCN5P110AY221204; SM: 5P11-221205.

- 01 (một) xe Dream, biển số 53R2-5817, SK: NJ10020003834 (sét mờ, không đọc được), SM: LC152FMG1A00604934.

+Tích thu sung quỹ Nhà nước:

- 01 xe gắn máy Vespa BS 54P9-5703; SK: YAPM6810000013056; SM: M681M505001;

- 01 xe hiệu Suzuki Maruti màu xám, không biển số. SM: không có. SK: VSE0SKJ2A00084242;

+Tích thu tiêu hủy:

- 01 (một) biển số giả 59S1-917.35; 01 (một) biển số xe giả 51Y4-0879;

- 01 (một) túi xách màu nâu, 01 hộp đựng kính màu đen bên trong có chứa 01 bộ dụng cụ dùng chơi ma túy đá.

- 01 (một) phong bao có chữ ký và chữ viết tên của Nguyễn Anh T và hình dấu của Cơ quan CSĐT Công an quận Bình Thạnh (trên phong bao ghi số 1606).

*Vật chứng theo biên bản giao nhận tang tài vật số 55/19 ngày 26/10/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh và giấy nộp tiền lập ngày 18/12/2017 vào tài khoản số 3949.0.9059775 tại Kho bạc Nhà nước Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

+Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm theo quy định tại và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Nguyễn Triệu H, Lê Văn M mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) và mỗi bị cáo phải chịu 375.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ; Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) ; Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp Cao tại TP. HCM (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục THA DS; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Trại giam; (3)
- Bị cáo; (3)
- Bị hại (2)
- Người liên quan (4)
- THA HS; (3)
- Phòng PC 53 - CA Tp. HCM; (2)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (36) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Anh